

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT
Năm 2008

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

DVT: Ngân đồng

STT	Nội dung	Số đầu năm	Số cuối năm
I	Tài sản ngắn hạn	609,923,137	303,443,884
1	Tiền mặt	104,528,506	73,775,194
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	396,984,713	151,966,201
	- Chứng khoán tự doanh	400,859,402	310,782,580
	- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn của người ủy thác đầu tư		
	- Đầu tư ngắn hạn		
	- Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư ngắn hạn	(3,874,689)	(158,816,379)
3	Các khoản phải thu	95,473,910	76,502,172
4	Vật liệu, công cụ tồn kho	-	-
5	Tài sản ngắn hạn khác	12,936,008	1,200,317
II	Tài sản dài hạn	55,826,078	56,266,960
1	Tài sản cố định	9,375,257	19,483,579
	- Tài sản cố định hữu hình	7,558,612	16,922,318
	- Tài sản cố định thuê tài chính	697,870	591,242
	- Tài sản cố định vô hình	1,118,775	1,970,019
2	Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư dài hạn khác	43,200,000	27,872,640
3	Chi phí XDCB dở dang	-	4,954,248
4	Tài sản dài hạn khác	3,250,821	3,956,493
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	665,749,215	359,710,844
IV	Nợ phải trả	196,221,660	136,767,219
1	Nợ ngắn hạn	151,317,797	109,175,447
2	Nợ dài hạn	44,903,863	27,591,772
VI	Nguồn vốn chủ sở hữu	469,527,555	222,943,625
1	Vốn góp ban đầu	250,000,000	250,000,000
2	Vốn bổ sung	138,575,000	138,575,000
3	Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối	80,952,555	(165,631,375)
4	Vốn điều chỉnh	-	-
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	665,749,215	359,710,844

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	30,309,023	116,151,081
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	(698,615)	-
3	Doanh thu thuần	29,610,408	116,151,081
4	Thu lãi đầu tư	14,762,552	2,030,390
5	Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán và lãi đầu tư	44,372,960	118,181,471
6	Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	251,640,698	27,034,386
7	Lợi nhuận gộp	(207,267,738)	91,147,085
8	Chi phí quản lý	19,366,065	11,072,155
9	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	(226,633,803)	80,074,930
10	Lợi nhuận ngoài hoạt động kinh doanh	(1,086,105)	22,655
11	Tổng lợi nhuận trước thuế	(227,719,908)	80,097,585
12	Lợi nhuận tính thuế (Lợi nhuận trước thuế - lãi nhà đầu tư)	(242,482,460)	78,067,195
13	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp		
14	Lợi nhuận sau thuế	(227,719,908)	80,097,585
15	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (nếu có)		3.20
16	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu nếu có		

III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ trước	Kỳ báo cáo
1	Cơ cấu tài sản	%		
	- Tài sản dài hạn/Tổng Tài sản		8.39%	15.64%
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		91.61%	84.36%
2	Cơ cấu nguồn vốn	%		
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn		29.47%	38.02%
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn		70.53%	61.98%
3	Khả năng thanh toán	Lần		
	- Khả năng thanh toán nhanh		4.03	2.78
	- Khả năng thanh toán hiện hành		4.03	2.78
4	Tỷ suất lợi nhuận	%		
	- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản		12.03%	-63.31%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		68.96%	-769.05%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu		17.06%	-102.14%

Quyền Tổng Giám đốc

Hoàng Văn Tự